



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
ĐỨC LONG GIA LẠI**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán	5
Các Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
• Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tên giao dịch bằng tiếng Anh là Duc Long Gia Lai Group JSC, sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900415863 ngày 13 tháng 06 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 02/12/2010. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 114/QĐ-SGDHCM ngày 14/06/2010 của Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DLG. Ngày chính thức giao dịch cổ phiếu là 22/06/2010.

Vốn điều lệ : 291.000.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2010: 291.000.000.000 đồng

Các công ty con: gồm 20 công ty

1. Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai
3. Công ty TNHH Khai thác và Chế biến đá Granit Đức Long Gia Lai
4. Công ty TNHH Cung ứng Nguyên vật liệu vật tư & Thiết bị Đức Long Gia Lai
5. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai
6. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai
7. Công ty Cổ phần Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Bảo Lộc
8. Công ty Cổ phần Trồng rừng và Cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai
9. Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai
10. Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản Đức Long Gia Lai
11. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên
12. Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Minh Long Gia Lai
13. Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Cầu đường Phước Hoàng Long
14. Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang Gia Lai
15. Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắk Nông
16. Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Gia Lai
17. Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Đức Long Gia Lai
18. Công ty Cổ phần Đức Long Đà Nẵng
19. Công ty Cổ phần Xây dựng Giao Thông Mười Tùng
20. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Đức Long Gia Lai.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Số 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại: (84) 059.3820.359
- Fax: (84) 059.3820.784
- Email: duclonggialaigroup@gmail.com
- Website: www.duclonggialaigroup.com

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Cưa xẻ bào gỗ và bảo quản gỗ;
- Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Mua bán gỗ các loại;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác đá Granite; Sản xuất đá chế, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng;
- Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Kinh doanh vận tải hành khách đường bộ nội thành, ngoại thành; Kinh doanh vận tải bằng xe buýt; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ khác;
- Cơ sở lưu trú khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải bằng đường bộ;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Trồng cây cao su; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Khai thác quặng bôxít;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ rừng trồng; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình đường bộ;
- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản; Kinh doanh bất động sản (trừ đấu giá tài sản), quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động tư vấn quản lý; Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Dịch vụ ăn uống khác; Cho thuê văn phòng;
- Khai thác quặng sắt, khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Chế biến khoáng sản (không chở đá thô ra ngoài tỉnh);
- Hoạt động thể thao; Phát hành vé xem thi đấu thể thao; Quảng cáo;
- Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT).
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng (Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: cầu đường, dân dụng và công nghiệp).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 1305 người. Trong đó nhân viên quản lý 172 người.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|----------|--------------------------|
| • Ông Bùi Pháp | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 13/06/2007 |
| • Ông Đỗ Thanh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 13/06/2007 |
| • Ông Nguyễn Đình Trạc | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 13/06/2007 |
| • Ông Võ Châu Hoàng | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 13/06/2007 |
| • Ông Nguyễn Tấn Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 06/07/2008 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|------------------------|------------|----------------------------|
| • Ông Nguyễn Xuân Hoan | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 25/07/2009 |
| • Ông Bùi Văn Đi | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25/07/2009 |
| • Bà Bùi Thị Kha Trân | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25/07/2009 |
| | | Miễn nhiệm ngày 14/05/2010 |
| • Ông Trần Công Nhập | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 14/05/2010 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|------------------------|-------------------|----------------------------|
| • Ông Bùi Pháp | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 13/06/2006 |
| | | Miễn nhiệm ngày 16/01/2010 |
| • Ông Nguyễn Đình Trạc | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 16/01/2010 |
| • Ông Đỗ Thanh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2007 |
| • Ông Phạm Trung | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2007 |
| | | Miễn nhiệm ngày 01/10/2010 |
| • Ông Phan Xuân Viên | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2007 |
| • Ông Võ Châu Hoàng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 14/02/2008 |
| • Ông Nguyễn Tiến Dũng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 06/03/2009 |
| • Ông Vũ Ngọc Bình | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 31/12/2009 |
| | | Miễn nhiệm ngày 01/10/2010 |
| • Ông Phạm Minh Việt | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/10/2010 |
| • Bà Vũ Thị Hải | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 19/02/2008 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dnng.vnn.vn).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Đình Trạc

Gia Lai, ngày 15 tháng 03 năm 2011



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 581/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15/03/2011 của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 37. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lê Khắc Minh
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0103/KTV

Trần Thị Nở
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1135/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi, bổ sung có
liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		963.929.555.880	533.046.001.350
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		17.120.367.903	13.438.427.649
1. Tiền	111	6	17.120.367.903	13.438.427.649
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		51.129.707.554	13.988.566.884
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7	51.129.707.554	13.988.566.884
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		540.720.474.674	253.543.593.894
1. Phải thu của khách hàng	131		241.197.835.377	186.852.609.104
2. Trả trước cho người bán	132		152.261.690.828	37.709.177.878
3. Các khoản phải thu khác	135	8	147.260.948.469	28.981.806.912
IV. Hàng tồn kho	140		333.230.064.606	239.406.942.085
1. Hàng tồn kho	141	9	333.230.064.606	239.406.942.085
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.728.941.143	12.668.470.838
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	924.560.915	516.792.903
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.064.397.469	2.841.891.560
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước khác	154	11	515.766.880	303.600
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	12	14.224.215.879	9.309.482.775
B TÀI SẢN DÀI HẠN			474.993.536.029	343.105.803.264
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		387.122.866.636	266.327.454.636
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	97.382.256.704	94.175.144.629
- Nguyên giá	222		132.971.557.958	121.478.989.129
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.589.301.254)	(27.303.844.500)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	7.265.646.574	9.733.441.642
- Nguyên giá	225		12.186.724.645	12.920.680.403
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.921.078.071)	(3.187.238.761)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	95.533.115.757	95.474.782.881
- Nguyên giá	228		95.712.728.510	95.568.882.814
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(179.612.753)	(94.099.933)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	16	186.941.847.601	66.944.085.484
III. Bất động sản đầu tư	240	17	66.720.417.973	66.720.417.973
- Nguyên giá	241		66.720.417.973	66.720.417.973
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		15.600.000.000	5.600.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258	18	15.600.000.000	5.600.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.550.251.420	4.457.930.655
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	19	3.827.019.819	3.265.604.843
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		882.031.601	393.764.186
3. Tài sản dài hạn khác	268	20	841.200.000	798.561.626
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.438.923.091.909	876.151.804.614

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
A NỢ PHẢI TRẢ	300		941.847.896.450	523.996.010.185
I. Nợ ngắn hạn	310		825.585.475.497	462.552.641.067
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	21	337.947.162.219	247.384.966.278
2. Phải trả cho người bán	312		227.266.909.313	188.904.009.169
3. Người mua trả tiền trước	313		12.826.438.797	7.864.895.278
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	22	25.215.217.113	12.961.122.172
5. Phải trả người lao động	315		3.884.742.222	2.437.050.512
6. Chi phí phải trả	316	23	4.892.098.219	1.850.748.000
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	24	213.167.606.080	1.149.849.658
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		385.301.534	
II. Nợ dài hạn	330		116.262.420.953	61.443.369.118
1. Phải trả dài hạn khác	333		327.000.000	317.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	25	108.067.242.274	56.815.311.274
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	26	7.868.178.679	4.311.057.844
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		397.862.742.199	332.872.067.706
I Vốn chủ sở hữu	410		397.862.742.199	332.872.067.706
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	27	291.000.000.000	291.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	27	13.335.942.000	13.335.942.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	27	797.041.140	(123.938.157)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	27	6.303.832.983	6.303.832.983
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	27	1.667.966.786	453.469.926
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420	27	84.757.959.290	21.902.760.955
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	420			
C LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	28	99.212.453.260	19.283.726.723
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		1.438.923.091.909	876.151.804.614

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TT	CHỈ TIÊU	31/12/2010	31/12/2009
	Ngoại tệ các loại	USD	
		84.497,19	65.178,57



Tổng Giám đốc

Nguyễn Đình Trạc

Gia Lai, ngày 15 tháng 03 năm 2011

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hải

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi,
bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	29	1.055.178.724.160	567.808.498.735
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	71.146.501	944.386.023
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10	29	1.055.107.577.659	566.864.112.712
4. Giá vốn hàng bán	11	30	923.888.752.546	492.065.802.829
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		131.218.825.113	74.798.309.883
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	5.156.893.113	3.678.983.703
7. Chi phí tài chính	22	32	24.179.114.109	25.177.191.537
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.828.616.877	24.993.717.234
8. Chi phí bán hàng	24		5.198.495.399	7.476.236.413
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.752.005.630	15.409.233.215
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		82.246.103.088	30.414.632.421
11. Thu nhập khác	31	33	1.803.123.569	1.098.342.908
12. Chi phí khác	32	34	1.889.502.460	1.627.031.092
13. Lợi nhuận khác	40		(86.378.891)	(528.688.184)
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	35	82.159.724.198	29.885.944.237
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	12.528.105.656	3.628.906.764
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35	(488.267.415)	18.084.833
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	35	70.119.885.957	26.238.952.640
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		4.407.076.178	3.058.542.214
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		65.712.809.779	23.180.410.426
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	2.258,17	797,58



Nguyễn Đình Trạc

Gia Lai, ngày 15 tháng 03 năm 2011

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hải

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu số B 03-DN/HN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi,
bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	1.079.370.207.288	363.581.033.811
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(1.040.253.710.735)	(349.184.886.734)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(33.246.479.283)	(17.301.769.268)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(22.289.432.908)	(24.993.717.234)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(3.850.530.378)	(842.321.845)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	193.307.014.284	86.313.846.684
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(230.002.887.090)	(99.217.450.983)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(56.965.818.822)	(41.645.265.569)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(120.433.438.076)	(63.442.625.306)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	271.278.545	214.494.799
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(70.283.750.000)	(6.077.898.859)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	23.142.609.330	2.691.126.255
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.719.910.795	1.181.095.448
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(158.583.389.406)	(65.433.807.663)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	76.754.000.000	12.823.530.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	605.785.358.474	387.079.521.046
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(460.892.188.813)	(303.707.945.634)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(2.680.700.000)	(1.043.671.556)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.015.975)	(508.069.258)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	218.963.453.686	94.643.364.598
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	3.414.245.458	(12.435.708.634)
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	13.438.427.649	26.045.137.579
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	267.694.796	(171.001.296)
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	17.120.367.903	13.438.427.649



Nguyễn Đình Trạc

Gia Lai, ngày 15 tháng 03 năm 2011

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hải

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tên giao dịch bằng tiếng Anh là Duc Long Gia Lai Group JSC, sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900415863 ngày 13 tháng 06 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 02/12/2010. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Cưa xẻ bào gỗ và bảo quản gỗ;
- Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Mua bán gỗ các loại;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác đá Granite; Sản xuất đá chè, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng;
- Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Kinh doanh vận tải hành khách đường bộ nội thành, ngoại thành; Kinh doanh vận tải bằng xe buýt; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ khác;
- Cơ sở lưu trú khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải bằng đường bộ;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Trồng cây cao su; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu; Khai thác quặng bôxít;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ rừng trồng; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình đường bộ;
- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản; Kinh doanh bất động sản (trừ đấu giá tài sản), quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động tư vấn quản lý; Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Dịch vụ ăn uống khác; Cho thuê văn phòng;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón, bán buôn phân bón;
- Khai thác quặng sắt, khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Chế biến khoáng sản (không chõr đá thô ra ngoài tỉnh);
- Hoạt động thể thao; Phát hành vé xem thi đấu thể thao; Quảng cáo;
- Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT).
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng (Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: cầu đường, dân dụng và công nghiệp).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai) và hai mươi công ty con.

Các Công ty con được hợp nhất

✓ Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô C4, đường số 4, KCN Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Cưa xẻ bào gỗ và bảo quản gỗ; Mua bán gỗ các loại; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật khác; Tư vấn thiết kế về trang trí nội thất; Mua bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đầu.
- Vốn điều lệ: 40.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 80,25%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải bằng đường bộ; Vận tải khách bằng xe buýt; Vận tải khách theo tuyến cố định; Vận tải hàng; Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ ăn uống khác; Đại lý mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn tổng hợp; Hoạt động vui chơi, giải trí khác chưa được phân vào đầu; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Cho thuê văn phòng; Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng; Vận tải hành khách theo hợp đồng; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác.
- Vốn điều lệ: 18.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 54,67%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty TNHH Khai thác và Chế biến đá Granit Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô E6 Khu Công Nghiệp Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất đá chẻ, cắt đá theo yêu cầu xây dựng; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt.
- Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 66,67%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty TNHH Cung ứng Nguyên vật liệu vật tư & Thiết bị Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Mua bán vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội, ngoại thất; Bán buôn kim loại và quặng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

kim loại: Mua bán kim loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Mua bán máy móc, thiết bị chế biến gỗ, chế biến đá.

- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 100,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng, vận hành các công trình thủy điện lớn; Đầu tư xây dựng, vận hành các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Xây dựng các công trình thủy lợi, đập, hệ thống tưới tiêu; Xây dựng công trình thủy công thuộc công trình thủy điện lớn; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng vỏ bao che công trình công nghiệp; Đầu tư cung cấp nước sạch, Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chế biến vật liệu xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khoan phụt, xử lý và gia cố nền móng công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Đầu tư, xây dựng, quản lý khu du lịch sinh thái; Nuôi trồng thủy sản; Chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy nông; Chế tạo, lắp đặt thiết bị thủy điện.
- Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, phường Trà Bá, Thành phố Pleiku.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình giao thông, công trình hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Lắp đặt công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình giao thông, công trình hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Sản xuất, chế tạo vật tư, cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường; Mua bán vật tư cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường; Quảng cáo; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất; Dịch vụ lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các mặt hàng công ty kinh doanh; Đầu tư, quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy điện, thủy lợi; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật khác; Xây dựng công trình thủy điện, thủy lợi; Phá dỡ công trình; Chuẩn bị mặt bằng xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện, cơ khí thủy công, các công trình công nghiệp, dân dụng và nhà máy thủy điện.
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty Cổ phần Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc

- Địa chỉ trụ sở chính: Phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Vận tải khách bằng xe buýt, vận tải khách theo tuyến cố định; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đầu tư xây dựng bến bãi; Dịch vụ ăn uống; Đại lý mua bán xăng, dầu và các sản phẩm liên quan;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Đại lý mua bán chất bôi trơn và làm sạch động cơ; Dịch vụ lưu trú; Bán buôn tổng hợp; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe.

- Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 60,00%
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty Cổ phần Trồng rừng và cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng cây cao su; Trồng cây lâu năm khác; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Khai thác gỗ rừng trồng; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xử lý hạt giống để nhân giống.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 60,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: 5/21 Nguyễn Cửu Đàm, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, Tp HCM.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ.
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 80,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: 308 – 310, Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, Thành phố HCM.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Sản xuất, mua bán hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở); Mua bán hàng kim khí điện máy, hàng thủ công mỹ nghệ, gốm, sứ, văn phòng phẩm, thiết bị văn phòng; Khai thác khoáng sản (không khai thác tại trụ sở); Kinh doanh vận chuyển hàng bằng ô tô; Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán). Lập tổng dự toán và dự toán. Tư vấn đấu thầu. Quản lý dự án. Cho thuê máy móc – thiết bị công trình xây dựng; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở); Kinh doanh dịch vụ quảng cáo. Dịch vụ giữ xe. Dịch vụ cầm đồ. Kinh doanh lễ hành nội địa và quốc tế. Đào tạo nghề.
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 55,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên

- Địa chỉ trụ sở chính: 308 – 310, Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, Thành phố HCM.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Giám sát thi công công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán thiết bị. Lắp đặt hệ thống điện lạnh. Mua bán, sửa chữa máy móc, thiết bị ngành điện lạnh (không tái chế phế thải, gia công cơ khí, và xi mạ điện tại trụ sở); Môi giới thương mại, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán); Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình đường bộ. Xây dựng công trình công ích; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện.
- Vốn điều lệ: 9.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Minh Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Hòa Bình, Thị trấn Nhơn Hòa, Huyện Chư Pưh, Tỉnh Gia Lai
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác quặng sắt, quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm (không khai thác tại tỉnh Gia Lai); Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất các sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc kim loại; Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại: các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ, công trình công ích, công trình công nghiệp và công trình dân dụng kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Cầu đường Phước Hoàng Long

- Địa chỉ trụ sở chính: Khối phố 3, Thị trấn Phú Hòa, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng công trình đường bộ; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Xây dựng nhà các loại; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ công trình; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Bán buôn máy móc, thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành cầu đường, dân dụng và công nghiệp; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Khai thác đá Granit, đá Bazan.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 80,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Sản xuất đá chẻ, cắt đá theo yêu cầu xây dựng; Mua bán kim loại và quặng kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Mua bán vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Vận tải hàng; Bốc xếp hàng hóa; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Xây dựng các loại công trình: thủy lợi, công nghiệp, đường bộ, điện đến 35 KV.
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 60,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

✓ Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đắk Nông

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 9, phường Nghĩa Thành, Thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác: Đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất: sắt, thép, gang; Đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT); Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy; Bán buôn chuyên doanh khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 210.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 65,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: 782 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng công trình giao thông, khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang, đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy, bán buôn chuyên dụng khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 210.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 70,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Đức Long Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 30 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang; Gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng máy khác; Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT & BT).
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ Công ty Cổ phần Đức Long Đà Nẵng

- Địa chỉ trụ sở chính: 47 Bế Văn Đàn, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải hàng, đầu tư xây dựng bến xe, bãi đỗ xe; Dịch vụ ăn uống. Kinh doanh khách sạn, du lịch nhà nghỉ; Dịch vụ vui chơi, giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke); Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, công trình công ích, công trình kỹ thuật. phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng. mua bán sắt thép; Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng. kinh doanh xăng tại Quốc lộ 1a, xã Hòa Phước huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 85,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/12/2010 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

✓ Công ty Cổ phần Xây dựng Giao Thông Mười Tùng

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Hòa Bình, Thị trấn Nhơn Hòa, Huyện Chư Pưh, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình công nghiệp; Đầu tư, xây dựng công trình (theo hình thức BOT & BT); Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/12/2010 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

✓ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Đức Long Gia Lai.

- Địa chỉ trụ sở chính: 120 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; Giáo dục tiểu học; Giáo dục thể thao và giải trí; Giáo dục văn hóa nghệ thuật; Giáo dục khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.
- Vốn điều lệ: 65.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 55,00%
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/12/2010 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan; Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Các công ty con

Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các công ty này. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Các giao dịch bị loại ra khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch nội bộ và lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại bỏ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	8 – 12
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8

4.9 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp đi thuê đất).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	3 - 5

4.10 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.12 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến ngày 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.13 Chi phí vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.14 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.15 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%. Công ty mẹ và Các Công ty con được hưởng các ưu đãi về thuế như sau:
 - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 2 năm tiếp theo kể từ khi kinh doanh có lãi. Năm 2007 là năm đầu tiên đơn vị kinh doanh có lãi. Do đó, Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm (2007 – 2008) và giảm trong 2 năm tiếp theo (2009 – 2010).
 - Công ty TNHH Khai thác và Chế biến đá Granit Đức Long Gia Lai được áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 15% trong vòng 8 năm (từ năm 2008 đến 2015) và giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 6 năm tiếp theo kể từ năm 2008. (Những ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư số 39221000010 ngày 20/12/2007 của Ban quản lý các KCN Tỉnh Gia Lai).
 - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai áp dụng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 25% lợi nhuận thu được. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 39121000119 ngày 12 tháng 01 năm 2011 của UBND Tỉnh Gia Lai, Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2007) và giảm 50% cho 04 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2011).
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

5. Điều chỉnh hồi tố

Một số chỉ tiêu so sánh được điều chỉnh hồi tố do liên quan đến việc ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với các hoạt động sản xuất được ưu đãi thuế (Theo Công văn trả lời số 4441/TCT-CS ngày 03/11/2010 của Tổng cục thuế cho Công ty về việc ưu đãi thuế TNDN cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai; Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 39121000119 ngày 12 tháng 01 năm 2011 của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai về việc ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với dự án Bến xe Đức Long Gia Lai của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Điều chỉnh hồi tố năm 2008

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2008	Số liệu tại ngày 31/12/2008 (Trình bày lại)	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	9.251.942.804	8.906.215.785	(345.727.019)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	216.709.726	515.126.732	298.417.006
Lợi ích cổ đông thiểu số	439	4.707.458.008	4.754.768.021	47.310.013
Báo cáo kết quả kinh doanh	Mã số	Số liệu Năm 2008	Số liệu Năm 2008 (Trình bày lại)	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	733.539.162	387.812.143	(345.727.019)
LN sau thuế của cổ đông thiểu số	61	507.458.008	554.768.021	47.310.013
LN sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62	216.709.726	515.126.732	298.417.006
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	8	18	10

Điều chỉnh hồi tố năm 2009

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2009	Số liệu tại ngày 31/12/2009 (Trình bày lại)	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	14.830.237.444	12.961.122.172	(1.869.115.272)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	20.299.059.743	21.902.760.955	1.603.701.212
Lợi ích cổ đông thiểu số	439	19.018.312.663	19.283.726.723	265.414.060
Báo cáo kết quả kinh doanh	Mã số	Số liệu Năm 2009	Số liệu Năm 2009 (Trình bày lại)	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.152.295.017	3.628.906.764	(1.523.388.253)
LN sau thuế của cổ đông thiểu số	61	2.840.438.167	3.058.542.214	218.104.047
LN sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62	21.875.126.220	23.180.410.426	1.305.284.206
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	751,72	797,58	45,86

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

6. Tiền

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt tại quỹ	11.772.542.543	5.174.708.059
Tiền gửi ngân hàng	5.347.825.360	8.263.719.590
Cộng	17.120.367.903	13.438.427.649

7. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Đầu tư ngắn hạn khác (gửi tiết kiệm ngân hàng)	2.600.000.000	
Cho vay ngắn hạn	48.529.707.554	13.988.566.884
Cộng	51.129.707.554	13.988.566.884

8. Các khoản phải thu khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế GTGT của Tài sản thuê tài chính	211.857.144	264.414.286
Các khoản phải thu khác	147.049.091.325	28.717.392.626
Cộng	147.260.948.469	28.981.806.912

9. Hàng tồn kho

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Nguyên liệu, vật liệu	98.336.944.914	95.892.094.855
Công cụ, dụng cụ	453.845.756	542.109.838
Chi phí SXKD dở dang	121.300.143.998	60.349.824.504
Thành phẩm	22.076.438.884	12.823.251.910
Hàng hóa	91.062.691.054	69.799.660.978
Cộng	333.230.064.606	239.406.942.085

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	360.526.436	426.861.956
Chi phí ngắn hạn chờ phân bổ	564.034.479	89.930.947
Cộng	924.560.915	516.792.903

11. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước	515.766.880	303.600
- Thuế GTGT	290.360.471	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	220.124.541	
- Thuế thu nhập DN	5.003.334	
- Thuế TNCN	278.534	303.600
Cộng	515.766.880	303.600

12. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tạm ứng	13.216.015.879	8.301.282.775
Ký quỹ bảo đảm tiền vay Ngân hàng Phát triển Gia Lai	1.000.000.000	1.000.000.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.200.000	8.200.000
Cộng	14.224.215.879	9.309.482.775

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	P.tiện vận tải truyền dẫn VNĐ	Thiết bị, dụng cụ quản lý VNĐ	Cộng VNĐ
Nguyên giá					
Số đầu năm	82.179.265.478	25.580.843.125	12.832.515.733	886.364.793	121.478.989.129
Tăng trong năm	173.551.445	184.771.023	11.455.259.969	344.643.215	12.158.225.652
Giảm trong năm	-	-	496.000.000	169.656.823	665.656.823
Phân loại lại	-	103.230.986	-	(103.230.986)	-
Số cuối năm	82.352.816.923	25.868.845.134	23.791.775.702	958.120.199	132.971.557.958
Khấu hao					
Số đầu năm	14.987.944.043	6.996.097.299	5.077.226.308	242.576.850	27.303.844.500
Tăng trong năm	3.613.544.661	2.587.128.431	2.151.397.373	270.684.972	8.622.755.437
Giảm trong năm	-	-	231.610.575	105.688.108	337.298.683
Phân loại lại	-	16.609.927	-	(16.609.927)	-
Số cuối năm	18.601.488.704	9.599.835.657	6.997.013.106	390.963.787	35.589.301.254
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	67.191.321.435	18.584.745.826	7.755.289.425	643.787.943	94.175.144.629
Số cuối năm	63.751.328.219	16.269.009.477	16.794.762.596	567.156.412	97.382.256.704

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại 31/12/2010 là 33.735.265.019 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2010 là 756.113.191 đồng.

14. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VNĐ	P.tiện vận tải truyền dẫn VNĐ	Cộng VNĐ
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.611.142.857	5.309.537.546	12.920.680.403
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	733.955.758	733.955.758
Số cuối năm	7.611.142.857	4.575.581.788	12.186.724.645
Khấu hao			
Số đầu năm	1.682.560.237	1.504.678.524	3.187.238.761
Tăng trong năm	1.513.660.783	488.909.816	2.002.570.599
Giảm trong năm	-	268.731.289	268.731.289
Số cuối năm	3.196.221.020	1.724.857.051	4.921.078.071
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.928.582.620	3.804.859.022	9.733.441.642
Số cuối năm	4.414.921.837	2.850.724.737	7.265.646.574

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 090/07/ALCII ngày 30/08/2007 với Chi nhánh Công ty cho thuê Tài chính II tại Khánh Hòa (Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam) và các Phụ lục của Hợp đồng này, Công ty đã thuê tài chính 3 chiếc Ford Everest 7 chỗ ngồi trong thời hạn thuê là 60 tháng. Lãi suất thuê tài chính là 1,1% /tháng. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất thuê trong hạn.
- Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 120/07/ALCII ngày 07/01/2008 với chi nhánh công ty cho thuê tài chính II tại Khánh Hòa (Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam) và các Phụ lục của Hợp đồng này, Công ty đã thuê tài chính 1 chiếc xe Ford thời hạn thuê là 60 tháng. Lãi suất thuê tài chính là 1.1% /tháng. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất thuê trong hạn.
- Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 074/09/ALCII-KH-HĐCT ngày 31/08/2009 với Chi nhánh Công ty cho thuê Tài chính II tại Khánh Hòa (Ngân hàng Nông nghiệp và PT NT Việt Nam) và các Phụ lục của Hợp đồng này, Công ty đã thuê tài chính 6 chiếc xe Ô tô Transinco trong thời hạn thuê là 26 tháng. Lãi suất thuê (trong hạn) là 0,875%/tháng. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất thuê trong hạn.
- Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 075/09/ALCII-KH-HĐCT ngày 31/8/2009 với Công ty cho thuê tài chính II (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh Khánh Hòa) và các Phụ lục của Hợp đồng này, Công ty đã thuê tài chính 1 dây chuyền chế biến đá ốp lát đá Granit do Italia sản xuất, 1 cổng trục dầm đôi hai conxoonng tải trọng nâng 30 tấn, 2 cầu trục dầm đơn tải trọng nâng 3 tấn, 1 máy cưa cầu, 8 máy cưa trụ, 4 máy đánh bóng bằng tay có trụ thép, 2 máy cắt quy cách, 1 máy hàn Segmente trong thời hạn 44 tháng. Lãi suất thuê tài chính là 0,875%/tháng, áp dụng lãi suất thả nổi theo nguyên tắc: Lãi suất thuê bằng lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm điều chỉnh nhân với 150% và được điều chỉnh khi lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước thay đổi theo từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất đi thuê quy định trên đây. Khi kết thúc hợp đồng thuê, Công ty có quyền tiếp tục thuê hoặc mua lại tài sản thuê tài chính với giá chọn mua là 20.000.000 đồng (đơn giá: 1.000.000 đồng/tài sản).

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	95.255.882.814	313.000.000	95.568.882.814
Tăng trong năm	-	143.845.696	143.845.696
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	95.255.882.814	456.845.696	95.712.728.510
Khấu hao			
Số đầu năm	-	94.099.933	94.099.933
Tăng trong năm	-	85.512.820	85.512.820
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	179.612.753	179.612.753
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	95.255.882.814	218.900.067	95.474.782.881
Số cuối năm	95.255.882.814	277.232.943	95.533.115.757

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2010 là: 33.817.851.270 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Dự án trồng cao su tại IaTiem	8.996.321.154	7.539.307.430
Chi phí thiết kế, khảo sát khách sạn Đức Long mở rộng	108.780.538	108.780.538
Công trình Xây dựng cây xăng	636.363.637	636.363.637
Công trình Cầu đường cao su tại IaBlư	1.364.540.612	2.428.443.965
Dự án trồng Cao su tại IaBlư (948 ha)	47.013.857.953	28.045.618.410
Công trình Incommex Sài Gòn_Nha Trang	167.199.119	167.199.119
Dự án trồng cao su Đức cơ	1.148.571	1.148.571
Chi phí khảo sát Mỏ Quặng Sắt	362.016.027	332.919.381
Dự án bến xe phía Nam (Bến xe Đà Nẵng)	34.051.348.779	5.431.466.958
Dự án Thủy Điện Đồng Nai 6	8.319.817.560	2.851.252.223
CP khảo sát, đền bù mỏ Đá Granite Nghĩa Hưng, Chupah	264.549.889	264.549.889
Chi phí khảo sát Thủy Điện Mỹ Lý	40.211.996	21.790.269
Dự án Công ty điện ĐLGL	999.508.695	999.508.695
Dự án Bến xe Bảo Lộc	39.094.170.925	9.041.991.606
Dự án Bến xe Đắk Lắk	1.238.000	1.238.000
DA BOT quốc lộ 14 A đoạn KM từ 817 đến 887	3.890.448.924	220.587.313
Mở rộng Bến xe Đức Long Gia Lai	220.620.000	249.415.394
Hội sở chính Tập Đoàn Đức long Gia Lai	1.884.047.512	
Mỏ chi kèm chur mố -Azunpa	799.102.035	
Trồng Rừng Cao Su Ha chubư (980 ha)	3.217.941.417	
Công trình Mỏ đá Chư Bư	285.557.314	
Dự án Nâng cấp mở rộng QL14 đoạn Pleiku đến Cầu 110	4.381.217	
Công trình Thủy điện ĐắkPSi	977.637	
Công trình Thủy điện ĐắkSepay	553.817.388	
Công trình thủy điện Khe Giông	8.271.000	
Công trình Thủy điện Tà Nung	30.150.491.006	8.602.504.086
Mua sắm tài sản cố định	386.094.644	
Chi phí đầu tư mở rộng Bến xe Đức Long	4.119.024.052	
Cộng	186.941.847.601	66.944.085.484

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Bất động sản đầu tư

Đây là quyền sử dụng đất lâu dài tại 92 Nguyễn Hữu Cánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

18. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Đầu tư dài hạn khác	15.600.000.000	5.600.000.000
- Góp vốn vào Công ty Vệ sĩ Tây Bình Tây Sơn (i)	5.600.000.000	5.600.000.000
- Trái phiếu Ngân hàng Công Thương Việt Nam	10.000.000.000	
Cộng	15.600.000.000	5.600.000.000

- (i) Góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn đến thời điểm 31/12/2010 là: 5.600.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 18,6% vốn điều lệ. Công ty không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn tại ngày 31/12/2010. Trong năm 2010, Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn được ghi nhận theo giá gốc.

19. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.299.125.010	1.984.641.338
Chi phí dài hạn chờ phân bổ	527.894.809	1.280.963.505
Cộng	3.827.019.819	3.265.604.843

20. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Các khoản t/ chấp,k/cước (Công ty Cho thuê Tài chính II)	750.200.000	761.561.626
Khoản ký quỹ môi trường	91.000.000	37.000.000
Cộng	841.200.000	798.561.626

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

21. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Vay ngắn hạn	312.729.326.219	224.269.453.102
- Ngân hàng Công Thương Gia Lai	47.831.000.000	39.750.000.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lai	221.977.638.937	142.087.519.200
- Ngân hàng Ngoại Thương Gia Lai	6.630.000.000	7.800.000.000
- Ngân hàng Phát Triển Gia Lai	19.800.000.000	20.400.000.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Tp HCM	-	14.000.000.000
- Ngân hàng Eximbank_CN Tân Sơn Nhất	14.397.123.380	
- CN Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đắk Nông	476.630.000	
- Vay cá nhân	1.616.933.902	231.933.902
Nợ dài hạn đến hạn trả	25.217.836.000	23.115.513.176
- Ngân hàng Công thương Gia Lai	250.000.000	225.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai	20.480.000.000	21.380.000.000
- Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín_CN Gia Lai	312.000.000	390.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Gia Lai	290.736.000	
- Ngân hàng TM CP XNK VN - CN Tân Sơn Nhất	1.000.800.000	
- CN Công ty Thuê Tài chính II tại Khánh Hòa	2.884.300.000	1.036.000.000
- Công ty Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	-	84.513.176
Cộng	337.947.162.219	247.384.966.278

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	10.708.085.251	1.365.406.495
Thuế thu nhập cá nhân	60.359.595	14.338.412
Thuế thu nhập Doanh nghiệp	11.837.335.877	3.154.757.265
Thuế tài nguyên	99.936.390	61.620.000
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	2.509.500.000	8.365.000.000
Cộng	25.215.217.113	12.961.122.172

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

23. Chi phí phải trả

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Lãi vay phải trả	1.507.683.969	
Trích trước chi phí hạng mục CT kê chắn đất san nền	3.159.090.909	
Chi phí khác	225.323.341	
Chi phí nhân công công trình		1.850.748.000
Cộng	4.892.098.219	1.850.748.000

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tạm ứng (dư có)	15.329.195	
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	41.678.184	64.052.043
Bảo hiểm thất nghiệp	34.337.424	
Kinh phí công đoàn	16.724.126	2.819.616
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	215.800.000	-
Cổ tức phải trả	770.971.755	773.987.730
Các khoản phải trả, phải nộp khác	212.072.765.396	308.990.269
Cộng	213.167.606.080	1.149.849.658

25. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Vay dài hạn	104.723.142.274	50.907.211.274
- Ngân hàng Công Thương Gia Lai (1)	16.785.000.000	250.000.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lai (2)	61.613.172.274	37.475.408.274
- Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín_CN Gia Lai(3)	312.000.000	546.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Á_CN Quảng Ngãi (4)	22.535.803.000	12.635.803.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương VN - CN Gia Lai (5)	644.767.000	
- Ngân hàng TM CP XNK VN - CN Tân Sơn Nhất (6)	2.832.400.000	
Nợ dài hạn	3.344.100.000	5.908.100.000
- CN Công ty Thuê Tài chính II tại Khánh Hòa	3.344.100.000	5.908.100.000
Cộng	108.067.242.274	56.815.311.274

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- (1) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Gia Lai theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 220/HĐTD ngày 19/07/2010 với thời gian cho vay là 10 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 2 năm, số tiền cho vay là 89.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay áp dụng theo lãi suất thả nổi (Lãi suất cho vay thả nổi = Lãi suất cơ sở + biên độ 4% năm). Mục đích sử dụng tiền vay là thanh toán chi phí thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Bến xe khách liên tỉnh phía nam Thành phố Đà Nẵng. Khoản vay vốn này được đảm bảo bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.
- (2) Vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Gia Lai:
 - Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2005/HĐ ngày 11/03/2005 với thời gian vay 11/03/2005 đến 31/12/2012, số tiền nhận nợ là 12.710.908.274 đồng. Lãi suất vay theo lãi suất thả nổi của ngân hàng (lãi suất hiện tại là 10,5% /năm). Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Mục đích sử dụng tiền vay là đầu tư và xây dựng bến xe liên tỉnh. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2008/HĐ ngày 16/05/2008 với thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, hạn mức cho vay là 55.000.000.000 đồng (đã nhận nợ trong năm 2008 là 9.070.000.000 đồng), lãi suất cho vay không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4%/năm, nhưng lãi suất cho vay tối thiểu sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất hiện hành tại thời điểm cho vay và không thấp hơn lãi suất bán vốn FPT cùng kỳ hạn + 2%. Lãi suất cho vay hiện tại là 16%/năm. Mục đích sử dụng là tiền vay được sử dụng để đầu tư cho dự án cao ốc Đức Long Tower Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2009/HĐ ngày 25/09/2009 với thời hạn cho vay là 108 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 18 tháng, số tiền cho vay là 24.800.000.000 đồng, lãi suất cho vay thả nổi không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4,2%/năm phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong thời kỳ. Lãi suất cho vay hiện tại là 10,5%/năm. Mục đích sử dụng là tiền vay được sử dụng để đầu tư cho dự án Đầu tư Bến xe khách liên tỉnh Đức Long – Bảo Lộc. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2009/HĐ ngày 30/12/2009 với thời hạn cho vay là 144 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, thời gian ân hạn là 72 tháng, số tiền cho vay là 43.573.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay thả nổi không cố định: bằng lãi suất tiết kiệm thông thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Gia Lai công bố cộng với phí Ngân hàng 4,2%/năm phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam trong thời kỳ. Lãi suất cho vay hiện tại là 12%/năm. Mục đích sử dụng là tiền vay được sử dụng để đầu tư cho dự án Trồng 744 ha cao su trong tổng diện tích 948,5 ha cao su tại xã Ia B lư, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2009/HĐ ngày 26 tháng 10 năm 2009 để đầu tư Dự án mở rộng nhà máy khai thác và chế biến đá Granit. Theo đó, tổng hạn mức vay: 4.900.000.000 đồng được đảm bảo bằng Tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay tối đa: 60 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên (27/10/2009), lãi suất theo Hợp đồng là 10,5%/năm và sẽ được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.
- (3) Vay Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín_CN Gia Lai theo hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần ngày 06/10/2009 để bổ sung vốn mua xe ô tô khách. Theo đó, thời hạn vay của hợp đồng là 36 tháng. Lãi suất cho vay 0,875%/tháng chỉ áp dụng cho lần giải ngân đầu tiên, các lần giải ngân sau lãi suất được áp dụng theo mức lãi suất do Ngân hàng xác định tại thời điểm giải ngân nhưng không thấp hơn lãi suất của lần giải ngân đầu tiên. Bên vay thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp là 3 xe ô tô khách. Trị giá thế chấp là 1.515.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- (4) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Quảng Ngãi theo Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 4120/2009/HĐTH ngày 28 tháng 9 năm 2009 để đầu tư Dự án Thủy điện Tà Nung tại Xã Tà Nung, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng. Theo đó, tổng hạn mức vay: 28.000.000.000 đồng được đảm bảo bằng Tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay tối đa: 11 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, lãi suất theo Hợp đồng là 10,5%/năm, được cố định trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu và sẽ được điều chỉnh từ tháng thứ 7 trở đi. Công ty được hỗ trợ lãi suất 4%/năm trong thời hạn 2 năm (bắt đầu từ ngày 28/9/2009 đến ngày 28/9/2011). Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.
- (5) Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam_CN Gia Lai
- Hợp đồng tín dụng ngày 25/03/2010 để mua xe ô tô. Theo đó, thời hạn vay của hợp đồng là 36 tháng. Lãi suất cho vay 18%/năm áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 01/04/2010 và thời gian tiếp theo điều chỉnh 3 tháng/lần vào các ngày 02/01, 01/04, 01/07, 01/10 và bằng lãi suất tiết kiệm thường 12 tháng loại trả sau + biên độ 7,5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất vay tối thiểu. Tài sản cầm cố, thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Pleiku theo Hợp đồng tín dụng số 294/HĐTD/TH-PN/TCB Pleiku ngày 08 tháng 12 năm 2010 để đầu tư mua xe Ô tô. Theo đó, tổng hạn mức vay: 643.000.000 đồng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, thời gian vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên (08/12/2010), lãi suất vay kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên là 16,8%/năm và sẽ được điều chỉnh 3 tháng 1 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.
- (6) Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Tân Sơn Nhất theo Hợp đồng vay số 2102 - LAV – 2010 - 00557 ngày 01/10/2010 với thời hạn vay: 48 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô con Lexus LX570. Lãi suất cho vay: lãi suất EIB công bố từng thời kỳ. Hình thức đảm bảo: tài sản hình thành từ vốn vay.

26. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Doanh thu bán căn hộ	6.482.339.634	3.694.518.316
Doanh thu cho thuê cây xăng	486.818.176	616.539.528
Doanh thu dịch vụ bảo vệ	46.741.417	
Lãi trái phiếu Ngân hàng Công thương	852.279.452	
Cộng	7.868.178.679	4.311.057.844

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

27. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2009	291.000.000.000	13.335.942.000	-	4.752.248.104	366.301.997	515.126.732
Tăng trong năm			(123.938.157)	1.551.584.879	87.167.929	
Lợi nhuận tăng trong năm						23.180.410.426
Trích lập các quỹ						1.743.354.321
Điều chỉnh hợp nhất						(49.421.882)
Số dư tại 31/12/2009	291.000.000.000	13.335.942.000	(123.938.157)	6.303.832.983	453.469.926	21.902.760.955
	-	-		-	-	-
Số dư tại 01/01/2010	291.000.000.000	13.335.942.000	(123.938.157)	6.303.832.983	453.469.926	21.902.760.955
Tăng trong năm		-	1.201.252.047	-	1.214.496.860	
Lợi nhuận tăng trong năm						65.712.809.779
Giảm trong năm	-	-	280.272.750	-	-	2.857.611.444
Số dư tại 31/12/2010	291.000.000.000	13.335.942.000	797.041.140	6.303.832.983	1.667.966.786	84.757.959.290

b. Cổ phiếu

	31/12/2010 Cổ phiếu	31/12/2009 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	29.100.000	29.100.000
- Cổ phiếu thường	29.100.000	29.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	29.100.000	29.100.000
- Cổ phiếu thường	29.100.000	29.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.100.000	29.100.000
- Cổ phiếu thường	29.100.000	29.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng doanh thu	1.055.178.724.160	567.808.498.735
- Doanh thu bán hàng hóa	6.639.347.321	
- Doanh thu bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	233.171.976.640	197.118.171.964
- Doanh thu bán phân bón	508.521.428.574	244.253.123.935
- Doanh thu Công trình xây dựng	238.460.580.688	64.815.954.772
- Doanh thu bán căn hộ	5.477.995.460	15.553.695.158
- Doanh thu cho thuê tài sản	3.101.293.682	4.693.968.505
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.786.299.581	13.386.607.753
- Doanh thu bán đá	25.088.307.731	20.810.556.660
- Doanh thu dịch vụ bến xe và xe buýt	17.931.494.483	7.176.419.988
Các khoản giảm trừ	71.146.501	944.386.023
- Giảm giá hàng bán	24.969.000	
- Hàng bán bị trả lại (sản phẩm từ gỗ)	46.177.501	944.386.023
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.055.107.577.659	566.864.112.712

29. Giá vốn hàng bán

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn hàng bán	923.888.752.546	492.065.802.829
- Giá vốn bán hàng hóa	6.477.256.413	
- Giá vốn bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	227.662.700.945	171.655.393.701
- Giá vốn bán phân bón	496.056.744.416	239.201.144.258
- Giá vốn Công trình xây dựng	150.568.136.576	40.355.425.632
- Giá vốn bán căn hộ	5.103.014.701	10.375.115.678
- Giá vốn cho thuê tài sản	2.896.419.333	4.383.880.574
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	12.929.641.432	9.204.993.957
- Giá vốn bán đá	16.980.678.957	12.361.902.519
- Giá vốn dịch vụ bến xe và xe buýt	5.214.159.773	4.527.946.510
Cộng	923.888.752.546	492.065.802.829

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.785.817.432	2.453.081.929
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	265.115.382	425.891.774
Cổ tức, lợi nhuận được chia	520.010.000	800.010.000
Chuyển nhượng cổ phiếu	585.241.779	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	708.520	
Cộng	5.156.893.113	3.678.983.703

31. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí lãi vay	23.828.616.877	24.993.717.234
Lỗ Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	310.748.162	175.349.910
Lãi thuê tài chính	39.749.070	
Chi phí hoạt động tài chính khác		8.124.393
Cộng	24.179.114.109	25.177.191.537

32. Thu nhập khác

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thu thanh lý TSCĐ	270.340.944	194.995.272
Hàng thừa trong kiểm kê		302.926.100
Thu bán phế liệu	1.065.862.747	16.804.652
Trang phục bảo vệ		407.707.000
Thu từ nợ phải trả nay không trả	28.157.869	
Tiền điện	9.745.454	
Cung cấp thiết bị PCCC	155.870.909	
Thu khác	267.213.222	175.909.884
Thu tiền thưởng	5.932.424	
Cộng	1.803.123.569	1.098.342.908

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

33. Chi phí khác

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thanh lý TSCĐ	265.917.200	416.600.195
Thanh lý sản phẩm hỏng	125.374.747	62.995.008
Giá vốn trang phục		394.369.500
Thuế GTGT không khấu trừ		312.988.378
Nộp phạt thuế, phạt nộp chậm	757.920.275	117.102.223
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	109.280.000	
Chi phí khác	631.010.238	322.975.788
Cộng	1.889.502.460	1.627.031.092

34. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	82.159.724.198	29.885.944.237
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm LN chịu thuế TNDN	3.303.833.746	(1.073.286.487)
- Các khoản điều chỉnh tăng LN chịu thuế TNDN	3.823.843.746	2.243.519.804
+ Các khoản chi ủng hộ các quỹ	2.600.000	12.000.000
+ Các khoản phạt thuế và nộp phạt khác	823.874.452	139.790.002
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	1.669.254.023	1.227.486.969
+ Chi phí lãi vay (do chưa góp đủ số Vốn điều lệ)	1.328.115.271	864.242.833
- Các khoản điều chỉnh giảm LN chịu thuế TNDN	520.010.000	3.316.806.291
+ Lỗ các năm trước chuyển sang		2.516.796.291
+ Cổ tức nhận được	520.010.000	800.010.000
Tổng thu nhập chịu thuế	85.463.557.944	28.812.657.750
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất áp dụng	21.537.237.202	8.182.938.301
Thuế TNDN được miễn giảm	9.274.015.159	4.554.031.537
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	9.274.015.159	3.053.977.694
- Thuế TNDN được giảm theo TT03/2009/BTC		1.500.053.843
Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.528.105.656	3.628.906.764
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	12.263.222.043	3.628.906.764
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm trước điều chỉnh trong năm nay	264.883.613	
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(488.267.415)	18.084.833
Lợi nhuận sau thuế TNDN	70.119.885.957	26.238.952.640
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	4.407.076.178	3.058.542.214
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	65.712.809.779	23.180.410.426

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	65.712.809.779	23.180.410.426
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LN kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu Cổ phiếu phổ thông	65.712.809.779	23.180.410.426
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	29.100.000	29.100.000
Lãi cơ bản trên Cổ phiếu	<u>2.258,17</u>	<u>796,58</u>

36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

37. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại theo quy định của Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.



Nguyễn Đình Trạc

Gia Lai, ngày 15 tháng 03 năm 2011

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hải

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hương

